

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: QTKD

Mã số: 7340101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

<b>1.1. Tên học phần:</b> Thị trường chứng khoán	<b>1.2. Tên tiếng Anh:</b> Securities markets
<b>1.3. Mã học phần:</b> KTTTCK.033	<b>1.4. Số tín chỉ:</b> 03
<b>1.5. Phân bố thời gian:</b>	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	15
- Tự học:	90
<b>1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hoàng Thị Duyệt
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Dương Hải Long
<b>1.7. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Tài chính – Tiền tệ
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Tài chính doanh nghiệp

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về thị trường chứng khoán. Đồng thời các phương pháp và các chỉ tiêu tài chính được đề cập trong học phần giúp sinh viên phân tích cơ bản các nội dung phân tích chứng khoán. Từ đó giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận với các phương pháp phân tích chuyên sâu trong đầu tư chứng khoán.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

- + Giới thiệu tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán;
- + Hàng hóa của thị trường chứng khoán;
- + Định giá chứng khoán;

+ Các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán.

### 2.2.2. Về kỹ năng

Sau khi học xong học phần này sinh viên phải có các kỹ năng:

+ Kỹ năng hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Kỹ năng quản trị sự thay đổi của doanh nghiệp

+ Kỹ năng tin học : Sinh viên sau khi tốt nghiệp sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác quản trị.

### 2.2.3. Về thái độ

+ Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước.

+ Có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc

## 3. Chuẩn đầu ra (CLO)

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Khái quát về thị trường tài chính
CLO2	Khái quát về thị trường chứng khoán
CLO3	Phân tích giá trị thời gian của tiền tệ
CLO4	Định giá cổ phiếu và đưa ra các quyết định đầu tư
CLO5	Định giá trái phiếu và đưa ra các quyết định đầu tư
CLO6	Thực hành các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán

## 4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I				I				M	M,A		I
CLO 2	I	I			I				M	M,A		I
CLO 3		I			I			R	M	R		I
CLO 4		I		R	I				M	R		I
CLO 5		I		R	I				M	R		I
CLO 6		I	I	R	I				M			

Tổng hợp học phần	I	I		R	I					M	R,A		I
-------------------------	---	---	--	---	---	--	--	--	--	---	-----	--	---

## 5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

<b>Thành phần đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Trọng số con</b>	<b>Rubric (đánh dấu X nếu có)</b>	<b>Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1</b>	<i>Hướng dẫn phương pháp đánh giá</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			R1		
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Chương 1,2	30%	R3 R4	CLO 1 CLO 2	
		A2.2. Tuần 10: Chương 3,4	30%	R3 R4	CLO 3 CLO 4	
		A2.3. Tuần 15: Chương 5,6	40%	R3 R4	CLO 5 CLO 6	
A5. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài ktra cuối kỳ: Thi viết			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	

**b. Yêu cầu đối với học phần**

Sinh viên phải tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của HP. Nếu nghỉ  $> 20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH /TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<b>Chương 1: Tổng quan về thị trường tài chính</b> 1.1 Bản chất, chức năng của thị trường tài chính	3	- Nhận biết được bản chất, chức năng, phân loại thị trường tài chính	CLO 1	- Giải thích cụ thể - Thuyết giảng - Câu hỏi gợi mở - Giải quyết v.đề - Học theo t. hướng - Nhóm ng.cứu - Thảo luận - Học nhóm - Bài tập ở nhà	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
2	<b>Chương 1 (tiếp theo)</b> 1.2 Phân loại thị trường tài chính <b>Chương 2: Thị trường</b>	2	(như trên) - Khái quát sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của thị	CLO 1  CLO 2	(như trên)	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1, 2) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội	

	<b>chứng khoán</b> 2.1 Lịch sử hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán	1	trường chứng khoán trên thế giới và ở Việt Nam - Nhận biết được bản chất, chức năng cơ bản của thị trường chứng khoán - Liệt kê các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán - Nắm vững các nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán - Phân loại được thị trường chứng khoán dựa theo các tiêu chí đặt ra			dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
3	<b>Chương 2 (tiếp theo)</b> 2.2 Bản chất, chức năng của thị trường chứng khoán 2.3 Các chủ thể tham gia của thị trường chứng khoán 2.4 Các nguyên tắc hoạt	1  1  1	<i>(như trên)</i>	CLO 2	<i>(như trên)</i>	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].	

	động của thị trường chứng khoán					- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
4	<b>Chương 2 (tiếp theo)</b> 2.5 Phân loại thị trường chứng khoán <b>Chương 3: Giá trị thời gian của tiền tệ</b> 3.1 Giá trị thời gian của tiền tệ và ứng dụng nguyên lý giá trị thời gian của tiền tệ	1  2	<i>(như trên)</i> - Ứng dụng được các nguyên lý giá trị thời gian của tiền tệ vào phân tích tài chính nói chung và phân tích chứng khoán nói riêng. Từ đó đưa ra các quyết định đầu tư tài chính, chứng khoán đúng đắn nhất.	CLO 2  CLO 3	<i>(như trên)</i>	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2, 3) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
5	<b>Chương 3 (tiếp theo)</b> 3.2 Giá trị tương lai của tiền tệ 3.3 Giá trị tương lai của dòng tiền	2  1	<i>(như trên)</i>	CLO 3	<i>(như trên)</i>	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.1
6	<b>Chương 3 (tiếp theo)</b>		<i>(như trên)</i>	CLO 3	<i>(như trên)</i>	- Phần chuẩn bị ở nhà:	

	3.3 (tiếp theo) 3.4 Giá trị hiện tại của tiền tệ	1 2				Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
7	<b>Chương 3 (tiếp theo)</b> 3.5 Giá trị hiện tại của dòng tiền <b>Chương 4: Cổ phiếu và định giá cổ phiếu</b> 4.1 Khái niệm và đặc điểm cổ phiếu	2  1	(như trên) - Nhận biết khái niệm, đặc điểm, phân loại cổ phiếu - Định giá được cổ phiếu, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư liên quan đến cổ phiếu	CLO 3  CLO 4	(như trên)	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3, 4) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
8	<b>Chương 4 (tiếp theo)</b> 4.1 (tiếp theo) 4.2 Phân loại cổ phiếu	2 1	(như trên)	CLO 4	(như trên)	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên	



						lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
9	<b>Chương 4 (tiếp theo)</b> 4.2 (tiếp theo) 4.3 Định giá cổ phiếu	1 2	(như trên)	CLO 4	(như trên)	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
10	<b>Chương 4 (tiếp theo)</b> 4.3 (tiếp theo)	3	(như trên)	CLO 4	(như trên)	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.2
11	<b>Chương 5: Trái phiếu và định giá trái phiếu</b> 5.1 Khái niệm và đặc điểm của trái phiếu	3	- Nhận biết khái niệm, đặc điểm, phân loại trái phiếu - Định giá được cổ	CLO 5	(như trên)	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội	

			phiếu, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư liên quan đến trái phiếu			dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
12	<b>Chương 5 (tiếp theo)</b> 5.2 Phân loại trái phiếu 5.3 Định giá trái phiếu	2 1	<i>(như trên)</i>	CLO 5		- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
13	<b>Chương 5 (tiếp theo)</b> 5.3 (tiếp theo)	3	<i>(như trên)</i>	CLO 5	<i>(như trên)</i>	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
14	<b>Chương 5 (tiếp theo)</b>		<i>(như trên)</i>	CLO 5	<i>(như trên)</i>	- Phần chuẩn bị ở nhà:	

	<p>5.3 (tiếp theo)</p> <p><b>Chương 6: Các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán</b></p> <p>6.1 Nghiệp vụ phát hành chứng khoán</p> <p>6.2 Nghiệp vụ niêm yết chứng khoán</p>	<p>1</p> <p>1.5</p> <p>0.5</p>	<p>- Thực hành được các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán trong giao dịch chứng khoán thực tế</p>	<p>CLO 5</p> <p>CLO 6</p>		<p>Đọc trước nội dung (Chương 5, 6) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
15	<p><b>Chương 6 (tiếp theo)</b></p> <p>6.2 (tiếp theo)</p> <p>6.3 Nghiệp vụ giao dịch chứng khoán</p> <p>6.4 Nghiệp vụ lưu ký, đăng ký và bù trừ chứng khoán</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p>	(như trên)	CLO 6	(như trên)	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 6) (tài liệu [1]); Đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4].</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	A2.3
Theo lịch thi	<b>Kiểm tra cuối kì</b>						A3

## 7. Học liệu

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
<b>Giáo trình chính</b>				
1	Hoàng Thị Dung	2020	<i>Bài giảng Thị trường chứng khoán</i>	Trường Đại học Quảng Bình
<b>Sách, giáo trình tham khảo</b>				
2	Nguyễn Thị Minh Huệ, Lê Thị Hương Lan	2019	<i>Giáo trình thị trường chứng khoán</i>	NXB Đại học kinh tế quốc dân/ Hà Nội
3	Nguyễn Thanh Tuyền, Nguyễn Đăng Đòn	2018	<i>Thị trường chứng khoán</i>	NXB Thống kê/ Tp HCM
4	Bạch Đức Hiền	2019	<i>Giáo trình thị trường chứng khoán</i>	NXB Tài chính/ Hà Nội

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	<b>Giảng đường A</b>	<i>Bảng đen, Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 1</i>
2	<b>Giảng đường A</b>	<i>Bảng đen, Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 2</i>
3	<b>Giảng đường A</b>	<i>Bảng đen, Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 3</i>
4	<b>Giảng đường A</b>	<i>Bảng đen, Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 4</i>
5	<b>Giảng đường A</b>	<i>Bảng đen, Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 5</i>
6	<b>Giảng đường A</b>	<i>Bảng đen, Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 6</i>

## 9. Rubric đánh giá

## 9.1 Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

### Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	<b>50%</b>
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	<b>50%</b>

## 9.2 Đánh giá bài tập (Work Assignment)

### Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng (đúng thời gian quy định).	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

### 9.3 Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

#### Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, tinh thần có tương tác với người nghe. Người	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình	25%

	nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	bày.	nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	
--	---------------------------------	------	--	--	---	--

**9.4 Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

*Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**TS. Trần Tự Lực**

**TS. Nguyễn Văn Chung**

**Hoàng Thị Dung**



